

Số: 1107/QĐ-UBND

Vĩnh Phúc, ngày 30 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đính chính Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc “V/v Phê duyệt điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp làng nghề Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường (lần 2)”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ban hành ngày 16/9/2015;
Luật tổ chức chính quyền địa phương sửa đổi, bổ sung ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ, quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019; Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 20 tháng 02 năm 2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v giao chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp làng nghề Vĩnh Sơn, xã Vĩnh Sơn huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc; Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v Điều chỉnh tên Cụm công nghiệp Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường thành Cụm công nghiệp làng nghề Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường; Quyết định số 603/QĐ-UBND ngày 25/03/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc, về việc điều chỉnh Quyết định số 594/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc “Về việc thành lập và giao chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Cụm công nghiệp Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc”;

Căn cứ Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 30/11/2020 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v phê duyệt Điều chỉnh QHCT tỉ lệ 1/500 Cụm công nghiệp làng nghề Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường (lần 1); Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc V/v Phê duyệt điều chỉnh cục bộ

QHCT tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp làng nghề Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường (lần2);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 172/TTr-SXD ngày 25/7/2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đính chính Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc “V/v Phê duyệt điều chỉnh cục bộ QHCT tỷ lệ 1/500 cụm công nghiệp làng nghề Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Tường (lần2)”, nội dung như sau:

1. Lý do đính chính:

Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn trong quá trình lập hồ sơ, tổng hợp số liệu, in ấn bản vẽ có sự sai sót về số liệu thống kê chi tiết sử dụng đất một số ô đất và đất giao thông thuộc dự án.

2. Các nội dung cần đính chính:

2.1. Đính chính lại số liệu tại Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh:

Đính chính tại mục 4 Điều 1 Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 điều chỉnh từ:

“...+ Diện tích đất lập dự án khoảng **146.242,3 m²** (giảm 6.963,7 m² so với quy hoạch được duyệt, do cắt bỏ phần diện tích chông lán dự án trạm xử lý nước thải thuộc dự án quản lý nguồn nước tỉnh Vĩnh Phúc và một phần đường giao thông thuộc dự án Đường Thỏ Tang - Vĩnh Sơn tuyến đô thị phía đông TT Thỏ Tang (ĐH17)- CCN Vĩnh Sơn - Thượng Trung đầu nối vào đường trục chính chạy qua cụm công nghiệp làng nghề);

+ Đất giao thông đối ngoại khoảng **32.237,5m²...**”.

Thành:

“...+ Diện tích đất lập dự án khoảng **147.271,3 m²** (giảm 5.934,7 m² so với quy hoạch được duyệt, do cắt bỏ phần diện tích chông lán dự án trạm xử lý nước thải thuộc dự án quản lý nguồn nước tỉnh Vĩnh Phúc và một phần đường giao thông thuộc dự án Đường Thỏ Tang - Vĩnh Sơn tuyến đô thị phía đông TT Thỏ Tang (ĐH17)- CCN Vĩnh Sơn - Thượng Trung đầu nối vào đường trục chính chạy qua cụm công nghiệp làng nghề);

+ Đất giao thông đối ngoại khoảng **31.208,5m²...**”.

Đính chính lại một số nội dung trong “**Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất trước và sau điều chỉnh quy hoạch**” thuộc phần 5.1 Điều 1 Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 22/9/2023, điều chỉnh từ:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Phê duyệt điều chỉnh (lần 1)		Điều chỉnh (lần 2)		Tăng (+) giảm (-)
			Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	
A	DIỆN TÍCH LẬP DỰ ÁN CỤM CÔNG NGHIỆP						
1	Đất xây dựng làng nghề		86.488,0	56,45	85.238,3	58,29	-1.249,7
					
		LN-04	7.464,9		5.499,9		-1.965,0
					
		LN-06	8.827,5		10.295,9		1.468,4
		LN-07	1.324,6		10.146,2		8.821,6
		LN-12	4.588,4		4.239,2		-349,2
					
2	Đất xây dựng công trình công cộng, nhà điều hành, dịch vụ		2.418,0	1,58	1.567,2	1,07	-850,8
		CC-DH	2.418,0		1.567,2		-850,8
3	Đất cây xanh		15.989,0	10,44	19.006,4	13,00	3.017,4
					
		CX-02	220,0		7.887,0		7.667,0
		CX-03	740,0		4.964,3		4.224,3
		CX-04	58,0		5.692,2		5.634,2
					
5	Giao thông khu làng nghề		44.496,0	29,04	37.275,4	25,49	-7.220,6
					
	Tổng diện tích lập dự án		153.206,0	100,00	146.242,3	100,00	-6.963,7
B	DIỆN TÍCH NẪM NGOÀI PHẠM VI DỰ ÁN						

	Giao thông đối ngoại	-	-	-	32.237,5		
--	-----------------------------	---	---	---	-----------------	--	--

Thành:

STT	Loại đất	Ký hiệu	Phê duyệt điều chỉnh (lần 1)		Điều chỉnh (lần 2)		Tăng (+) giảm (-)
			Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	
A	DIỆN TÍCH LẬP DỰ ÁN CỤM CÔNG NGHIỆP						
1	Đất xây dựng làng nghề		86.488,0	56,45	85.415,4	58,00	-1.072,6
					
		LN-04	7.464,9		5.670,5		-1.794,4
					
		LN-06	8.827,5		10.169,9		1.342,4
		LN-07	1.324,6		10.168,7		8.844,1
					
		LN-12	4.588,4		4.349,2		-239,2
					
2	Đất xây dựng công trình công cộng, nhà điều hành, dịch vụ		2.418,0	1,58	1.581,4	1,07	-836,6
		CC-DH	2.418,0		1.581,4		-836,6
3	Đất cây xanh		15.989,0	10,44	19.169,7	13,02	3.180,7
					
		CX-02	220,0		7.889,1		7.669,1
		CX-03	740,0		4.961,5		4.221,5
		CX-04	58,0		5.856,2		5.798,2
					
5	Giao thông khu làng nghề		44.496,0	29,04	37.949,8	25,77	-6.546,2
					
	Tổng diện tích lập		153.206,0	100,00	147.271,3	100,00	-5.934,7

	dự án						
B	DIỆN TÍCH NẪM NGOÀI PHẠM VI DỰ ÁN						
	Giao thông đối ngoại	-	-	-	31.208,5		

2.2. Đính chính lại nội dung bản vẽ:

Đính chính các thông số thống kê chi tiết sử dụng đất các lô đất làng nghề ký hiệu D2 thuộc lô LN-04; F11, F35, F38 thuộc lô LN-06; G33 thuộc lô LN-07; O19 thuộc lô LN-12; các ô đất cây xanh ký hiệu CX-02, CX-03, CX-04 trong bản vẽ quy hoạch sử dụng đất (*nội dung điều chỉnh chỉ đính chính lại số liệu thống kê sử dụng đất; các thông tin khác về vị trí, kích thước các ô đất, mạng lưới đường giao thông và các nội dung thể hiện khác trong bản vẽ giữ nguyên theo quy hoạch được duyệt*).

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Xây dựng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND huyện Vĩnh Tường, Giám đốc Công ty Cổ phần Kim Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Chí Giang